

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2013

The logo for GELEX is displayed in a bold, red, sans-serif font. The letter 'E' is stylized with a grey triangle pointing downwards from its top bar. The logo is centered within a white horizontal band that is part of a larger grey rectangular background.

*Sức mạnh đến từ Uy tín*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN A</b>	<b>3</b>
<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>3</b>
I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT	4
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	5
III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG	5
IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	6
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	9
VI. CÁC RỦI RO	9
<b>PHẦN B</b>	<b>11</b>
<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013</b>	<b>11</b>
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	12
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	12
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	14
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	16
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	18
<b>PHẦN C</b>	<b>20</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>20</b>
I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD	21
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	25
III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ	27
IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	27

<b>PHẦN D</b>	<b>29</b>
<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA GELEX</b>	<b>29</b>
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	30
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH	30
III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT	30
<b>PHẦN E</b>	<b>32</b>
<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>32</b>
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
II. BAN KIỂM SOÁT	36
III. THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC	38
IV. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	38
<b>PHẦN F</b>	<b>39</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>39</b>
I. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	40
II. Ý KIẾN KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	40

# **Phần A**

## **THÔNG TIN CHUNG**

## I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch tiếng Việt:  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**
- Tên giao dịch quốc tế: **Vietnam Electrical Equipment Joint stock Corporation**
- Thương hiệu: **GELEX**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 01 00 100 512
- Vốn điều lệ: **1.400.000.000.000 đồng** (Một ngàn bốn trăm tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **1.400.000.000.000 đồng**. Trong đó:
  - ✓ Vốn Nhà nước: 1.220.448.000.000 đồng
  - ✓ Vốn tự bổ sung: 179.552.000.000 đồng
- Địa chỉ:
  - ✓ Trụ sở chính: 52 Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.
  - ✓ Cơ sở sản xuất kinh doanh: 10 Trần Nguyên Hãn - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội.
  - ✓ Nhà máy sản xuất: KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh.
- Điện thoại: (84.3) 9726282 - (84.3) 8257979 - (8.24) 13847396
- Fax: (84.3) 9726282 - (84.3) 8260735 - (8.24) 13847398
- Email: [gelex.vn@gmail.com](mailto:gelex.vn@gmail.com)
- Website: <http://www.gelex.vn>
- Tài khoản:
  - ✓ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội
    - Số tài khoản: 10 201 00000 26615
  - ✓ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Sở giao dịch I
    - Số tài khoản: 12 010 00000 9694

## II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ngày nay là Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện, được thành lập ngày 10 tháng 7 năm 1990 tập trung sức mạnh các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc ngành công nghiệp thiết bị, kỹ thuật điện.

Ngày 31 tháng 5 năm 2006, Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện chuyển thành Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam, tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo quyết định số 127/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, công ty mẹ của Tổng công ty được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiết bị đo điện và Văn phòng Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện.

Ngày 01 tháng 12 năm 2010, Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam chính thức chuyển đổi thành Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam sau khi hoàn thành quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 27 tháng 7 năm 2011 với mã số doanh nghiệp 0100100512. Vốn điều lệ **1.400.000.000.000** đồng (*Một ngàn bốn trăm tỷ đồng*).

## III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

### 1. Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính:

+ Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;

+ Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220kV;

+ Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220kV;

+ Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;

+ Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;

- + Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;
  - + Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.
- Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

## 2. Địa bàn kinh doanh

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (*sau đây gọi là GELEX*) có địa bàn hoạt động kinh doanh rộng khắp cả nước từ Bắc vào Nam, ngoài ra GELEX còn thực hiện xuất khẩu sang các nước trong khu vực như Campuchia, Lào v.v..

## IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### 1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

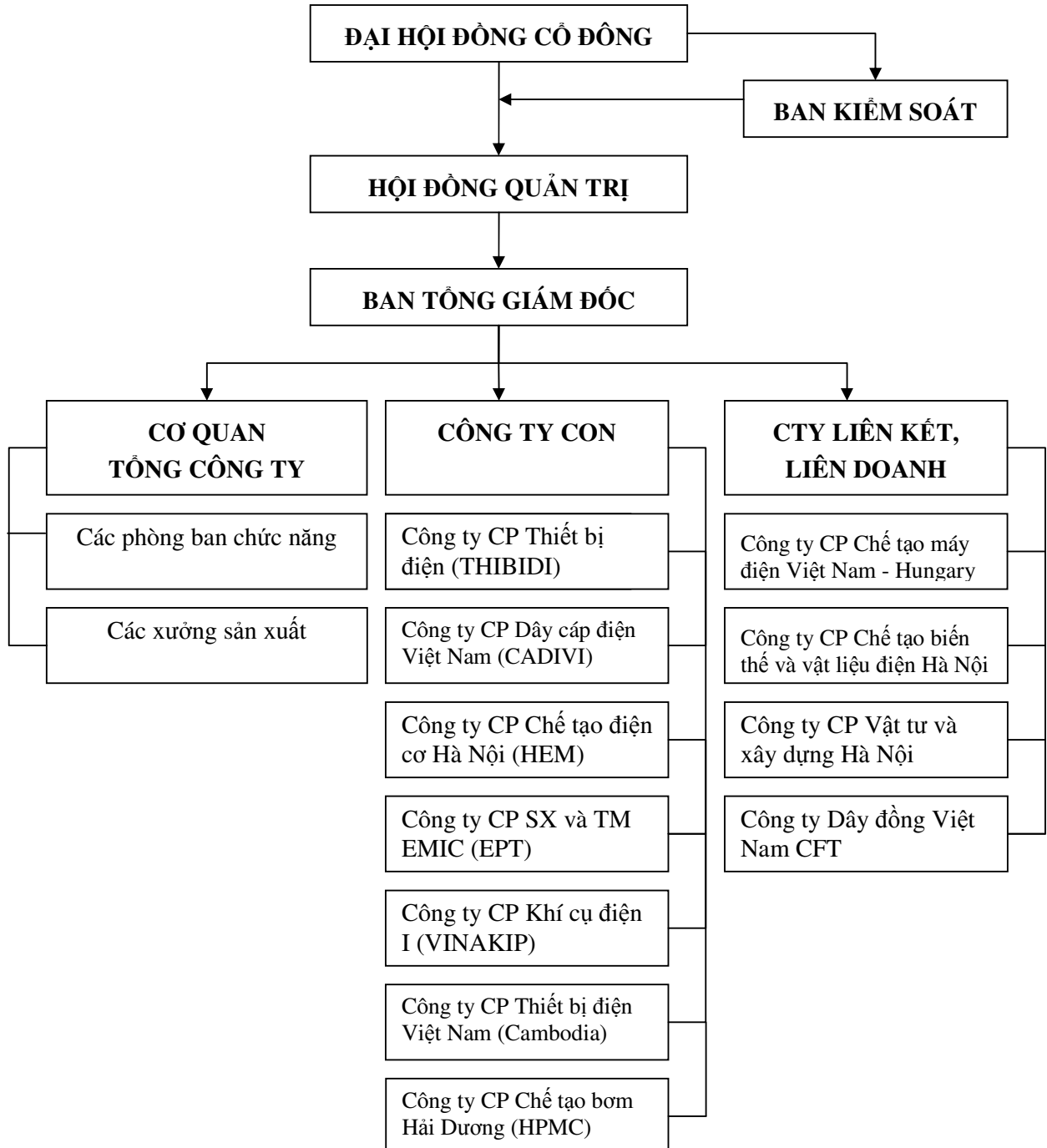
Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý GELEX được tổ chức theo mô hình của công ty cổ phần. Trong đó:

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất. Đại hội đồng Cổ đông quyết định định hướng phát triển của GELEX, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
- Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị cao nhất, có đầy đủ quyền hạn quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của GELEX, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. HĐQT GELEX gồm có 05 thành viên. HĐQT có bộ phận giúp việc là Văn phòng HĐQT.
- Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của GELEX. Ban Kiểm soát gồm có 3 thành viên.
- Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các giám đốc chuyên môn do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của GELEX. Cơ cấu Ban Tổng giám đốc hiện tại gồm 01 Tổng giám đốc, 02 Phó giám đốc và 04 giám đốc chuyên môn: giám đốc tài chính, giám đốc kinh doanh, giám

độc nhân sự và giám đốc kỹ thuật.

- Dưới Ban Tổng giám đốc là 11 phòng ban chức năng, Khách sạn Bình Minh - Hà Nội và 06 xưởng sản xuất.
- Ngoài ra công ty có 07 công ty con, 03 công ty liên kết và 01 công ty liên doanh.

**Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của GELEX năm 2013**





## 2. Các công ty con, công ty liên doanh liên kết

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Lĩnh vực SXKD chính	Loại hình
1	2	3		4	5	6
						7
1	Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Số 70-72 Nam Kỳ khởi nghĩa – Q1 – TP Hồ Chí Minh	288.000.000.000	65%	SX, chế tạo, KD dây cáp điện	Công ty con
2	Công ty CP Thiết bị điện (THIBIDI)	KCN Biên Hoà 1 - Đường số 9 – TP Biên Hoà - Tỉnh Đồng Nai	120.000.000.000	65,16%	SX, chế tạo, KD thiết bị điện	Công ty con
3	Công ty CP chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM)	Km 12 quốc lộ 32 Phú Diễn - Từ Liêm – TP Hà Nội	322.450.000.000	81,34%	SX, chế tạo, KD thiết bị điện	Công ty con
4	Công ty CP Khí cụ điện I (VINAkip)	Phường Xuân Khanh – Sơn Tây – TP Hà Nội	34.000.000.000	51,03%	SX, chế tạo, KD thiết bị điện	Công ty con
5	Công ty CP sản xuất và thương mại EMIC (EPT)	Số 91 Hoa Lâm - Quận Long Biên - TP Hà Nội	10.000.000.000	51%	SX, chế tạo, KD thiết bị điện, bao bì	Công ty con
6	Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương (HPMC)	Số 37 đường Hồ Chí Minh - TP. Hải Dương	27.586.800.000	65,02%	SX, chế tạo, KD bơm	Công ty con
7	Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	#49 road 4 Sangkat Phleng Chhe Rotes – Phnom Penh - Campuchia	264.500 USD	100%	KD, phân phối thiết bị điện	Công ty con
8	Công ty dây đồng Việt Nam CFT	Đường số 9 KCN Biên Hoà 1 – TP Biên Hoà - Tỉnh Đồng Nai	8.000.000 USD	36,35%	SX dây đồng	Công ty liên doanh
9	Công ty CP chế tạo máy điện Việt Nam - Hangari	Số 53 thị trấn Đông Anh – Huyện Đông Anh – TP Hà Nội	43.500.000.000	34,27%	SX, chế tạo, KD thiết bị điện	Công ty liên kết
10	Công ty CP vật tư và xây dựng Hà Nội	Số 39C Hai Bà Trưng – Quận Hoàn Kiếm – TP Hà Nội	10.000.000.000	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Công ty liên kết
11	Công ty CP chế tạo biến thế và vật liệu điện Hà Nội	Thị trấn Cầu Diễn - Huyện Từ Liêm – TP Hà Nội	35.000.000.000	49,49%	SX, chế tạo, KD thiết bị điện	Công ty liên kết

## V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 1. Các mục tiêu chủ yếu

- Tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu GELEX, giữ vững vị thế nhà sản xuất thiết bị điện hàng đầu Việt Nam.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.
- Giữ vững thị trường tiêu thụ truyền thống, phát triển thị trường mới cả trong và ngoài nước. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến khách hàng, hoàn thiện các chính sách và quy trình dịch vụ, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng; phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với doanh nghiệp, có trách nhiệm với khách hàng và với cộng đồng; hoàn thiện phương thức quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Tiếp tục ổn định và cải thiện việc làm, thu nhập cho người lao động.
- Tích cực xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bình đẳng, hiệu quả với các đối tác trong và ngoài nước cho sự phát triển của Tổng công ty.

### 2. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, cộng đồng

- Tiếp tục quảng bá hình ảnh thương hiệu GELEX: Tổng công ty cổ phần có lĩnh vực hoạt động rộng; Năng động, hiệu quả; Quan tâm đến trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường.
- Tham gia đóng góp cho các chương trình hoạt động vì cộng đồng.

## VI. CÁC RỦI RO

Năm 2014 được dự báo là một năm tiếp tục khó khăn đối với các doanh nghiệp sản xuất nói chung và với GELEX nói riêng.

Ở góc độ của GELEX, các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và việc thực hiện các mục tiêu đề ra bao gồm:

- Nền kinh tế Việt Nam có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, sức mua của thị trường kém dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh cầm

chùng, quy mô sản xuất thu hẹp, tồn kho cao, ảnh hưởng đến đầu ra cũng như việc làm và thu nhập của người lao động

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN - khách hàng lớn nhất của GELEX tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu toàn diện và cơ hợp mua sắm đầu tư công. Mặt khác EVN đã hoàn thành cơ bản các dự án lưới điện hạ áp nông thôn đang dịch chuyển mạnh mẽ sang xây dựng và vận hành lưới điện thông minh... dẫn đến nhu cầu đối với các sản phẩm chủ lực của GELEX như công tơ cơ khí và thiết bị điện giảm mạnh. Nhu cầu công tơ cơ khí 1 pha, 3 pha chỉ phục vụ cho việc thay thế bảo dưỡng định kỳ hàng năm và đang có xu hướng giảm dần trong các năm tới. Xu hướng chuyển đổi từ công tơ cơ khí sang công tơ điện tử đa chức năng là tất yếu và bất khả kháng đòi hỏi GELEX cần quyết liệt trong việc dịch chuyển cơ cấu sản phẩm.

- Thị trường bất động sản và xây dựng điện tiếp tục đóng băng và suy giảm mạnh cả ở trong nước và khu vực sẽ gây giảm doanh thu thị trường ngoài điện lực và kim ngạch xuất khẩu.

- Các nhà sản xuất thiết bị điện Trung quốc và Asian như Thái Lan, Malaysia, Singapore tiếp tục đẩy hàng ra thị trường nước ngoài với giá thấp để bù đắp sự sụt giảm lượng cầu của thị trường trong nước sẽ khiến cạnh tranh trong nước và quốc tế ngày càng gay gắt.

**Phần B****TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013**

## I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2013, mặc dù gặp nhiều khó khăn với diễn biến phức tạp của thị trường nhưng nhờ có hướng đi đúng đắn, lấy thị trường và khách hàng làm cơ sở, tập trung tối đa mọi nguồn lực, phát huy tinh thần chủ động sáng tạo với quyết tâm khắc phục khó khăn, GELEX đã đạt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã giao, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ Thực hiện 2013/Kế hoạch năm 2013	Tỷ lệ Thực hiện năm 2013/năm 2012
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
1	Doanh thu thuần	tỷ đồng	1.230,76	1.280	1.190,35	92,97%	96,75%
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	179,04	190	220,64	116,13%	123,24%
3	Bình quân thu nhập của người lao động	Tr./người/tháng	7,8	8	8,64	108%	110,8%

## II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Ban Tổng giám đốc điều hành

TT	Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Số cổ phần sở hữu cá nhân	Số cổ phần do Nhà nước uỷ quyền	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Nguyễn Trọng Tiều	Tổng giám đốc	1959	-	22.400.000	22.400.000	16%
2	Đỗ Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	1961	5.000	18.200.000 (*)	18.205.000	13 %
3	Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng giám đốc	1959	32.700	-	32.700	0,02 %
4	Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng Giám đốc tài chính	1976	45.100	-	45.100	0,03 %

TT	Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Số cổ phần sở hữu cá nhân	Số cổ phần do Nhà nước uỷ quyền	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Hoàng Anh Dũng	Giám đốc kinh doanh	1975	5.000	-	5.000	0,0036 %
6	Hoàng Hải	Giám đốc nhân sự	1953	30.000	-	30.000	0,02 %

(\*) Ông Đỗ Văn Chính nắm giữ 14.000.000 cổ phần do Nhà nước uỷ quyền và 4.200.000 cổ phần của tổ chức Công đoàn.

Trong năm 2013, Ban Tổng giám đốc điều hành có sự thay đổi nhân sự: Tháng 01/2013, ông Trần Ngọc Minh nghỉ hưu theo chế độ, Ông Đỗ Văn Chính được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc.

## 2. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động

TT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng
<b>I Phân loại theo đối tượng lao động</b>			
1	Lao động gián tiếp	182	34,2%
2	Lao động trực tiếp	350	65,8%
<b>Tổng cộng</b>		<b>532</b>	<b>100 %</b>
<b>II Phân loại theo trình độ lao động</b>			
1	Trình độ Đại học, trên Đại học	156	29,3%
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	119	22,4%
3	Công nhân kỹ thuật, bằng nghề	135	25,4%
4	Lao động khác	122	22,9%
<b>Tổng cộng</b>		<b>532</b>	<b>100 %</b>

Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo Bộ luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chế độ làm việc 8 giờ/ngày, chế độ nghỉ ngơi, thời gian nghỉ phép, lễ, nghỉ ốm, nghỉ thai sản v.v..

Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động trong năm 2013 áp dụng theo Quy chế trả lương của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Việc thanh toán tiền lương cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2013 là **8,64** triệu đồng/người/tháng.

### III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

#### 1. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2013, GELEX thực hiện đầu tư chủ yếu như sau:

- Tiếp tục đầu tư tăng vốn tại công ty CP Dây cáp điện Việt Nam nhằm mục tiêu nắm giữ 65% vốn điều lệ.
- Nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương từ Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội.

TT	Tên công ty thành viên	Số tiền đầu tư trong năm 2013 (Đồng)	Tỷ lệ nắm giữ ban đầu	Tỷ lệ nắm giữ sau đầu tư
1	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	52.538.445.000	61,13%	65%
2	Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	27.333.284.404	-	65,02%

- Đầu tư 02 hệ thống thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất.

TT	Tên hạng mục đầu tư	Giá trị đầu tư (Đồng)
1	Hệ thống dây chuyền sản xuất và hiệu chỉnh công tơ điện tử	10.640.046.720
2	Hệ thống thiết bị sản xuất hộp composit công tơ điện	4.243.084.000

- Ngoài ra GELEX đang triển khai thực hiện 02 dự án đầu tư:

- ✓ **Dự án đầu tư xây dựng toà nhà Văn phòng Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại 52 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội:** Đây là dự án lớn của Tổng công ty triển khai thực hiện từ ngày 08 tháng 12 năm 2011 Toà Nhà văn phòng có 22 tầng nổi; 3 tầng hầm. Hiện nay đã cơ bản hoàn thành xây dựng, dự kiến hoàn thành công trình vào tháng 05 năm 2014.
- ✓ **Dự án Trung tâm Thương mại và Văn phòng cho thuê tại 10 Trần Nguyên Hãn - Hoàn Kiếm - Hà Nội:** Đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt hồ sơ quy hoạch cho Dự án. Tiếp theo Tổng công ty sẽ triển khai việc lập Dự án đầu tư; xin cấp phép đầu tư; lập Hồ sơ thiết kế và xin giấy phép xây dựng. Mục tiêu năm 2014 sẽ bắt đầu triển khai đầu tư Dự án.

## 2. Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên doanh liên kết

Nhìn chung các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của GELEX hoạt động có hiệu quả, lợi nhuận sau thuế đạt mức cao, tỷ lệ chia cổ tức tương đối cao (công ty có tỷ lệ chia cổ tức cao nhất là Công ty CP Thiết bị điện 30%). Chỉ duy nhất Công ty CP Chế tạo biến thế và vật liệu điện Hà Nội (CTBT) không đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013, lỗ 3.231.598.424 đồng. Hiện nay, GELEX đã có phương án tái cơ cấu CTBT nhằm mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn đầu tư ban đầu.

*Đơn vị tính: Đồng*



T	Tên công ty	Tổng giá trị tài sản	Doanh thu thuần	LN trước thuế	LN sau thuế	Tỷ lệ cổ tức
1	Công ty CP dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	1.769.487.455.631	4.373.771.629.631	153.648.928.420	114.667.548.838	30%
2	Công ty CP thiết bị điện (THIBIDI)	659.270.821.784	1.439.988.914.775	76.153.281.646	52.066.395.815	25%
3	Công ty CP chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM)	454.177.071.008	381.381.641.615	62.636.935.197	57.570.334.497	14%
4	Công ty CP khí cụ điện 1 (VINAKIP)	110.855.297.644	243.930.258.919	14.508.102.012	10.840.180.044	20%
5	Công ty CP sản xuất và thương mại EMIC	46.419.538.923	162.728.992.075	3.530.833.049	2.618.216.383	16%
6	Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương (HPMC)	216.919.637.127	200.508.502.455	11.526.619.514	8.541.723.180	20%
7	Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia) (USD)	1.710.300,69	1.878.341,93	28.067,36	21.109,58	0%
8	Công ty CP Vật tư và xây dựng Hà Nội	36.663.887.090	34.393.988.758	1.367.141.100	1.022.729.486	10%
9	Công ty CP chế tạo biến thế và vật liệu điện Hà Nội	46.989.448.603	20.042.957.834	(3.231.598.424)	-	0%
10	Công ty CP chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary	173.157.004.193	197.208.727.985	9.360.505.539	7.048.002.788	14%
11	Công ty dây đồng Việt Nam - CFT (USD)	57.934.459,00	232.247.258,80	3.118.455,00	2.637.706,21	480.18 3,5 USD

## IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 1. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Tỷ lệ tăng
				giảm % Năm 2013 so với 2012
1	Tổng giá trị tài sản	2.110.592.044.668	1.951.734.150.711	92,47%
2	Doanh thu thuần	1.230.755.332.241	1.190.346.131.292	96,72%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	215.849.031.806	254.862.788.516	118,07%
4	Lợi nhuận khác	368.429.449	(639.464.591)	-173,57%
5	Lợi nhuận trước thuế	216.217.461.255	254.223.323.925	117,58%
6	Lợi nhuận sau thuế	179.038.035.228	220.637.678.359	123,24%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	12%	12%	100,00%

## 2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,49	3,01
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,35	2,69
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Nợ/Tổng tài sản	%	24,8%	16,8%
	Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	33,1%	20,2%
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,04	12,85
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	58,3%	61,0%
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số LN sau thuế/DT thuần		0,15	0,19
	Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH		0,11	0,14
	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản		0,08	0,11
	Hệ số LN từ hoạt động KD/DT thuần		0,18	0,21

**V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU****1. Cổ phần**

- Tổng số cổ phần của GELEX: **140.000.000** cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có.

**2. Cơ cấu cổ đông**

Tính đến ngày 31/12/2013, GELEX có 1.000 cổ đông.

- Phân loại theo tỷ lệ sở hữu (*Khái niệm theo khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán năm 2006*)
  - ✓ Cổ đông lớn: 01 cổ đông sở hữu 122.044.800 cổ phần, chiếm 87,17% vốn điều lệ.
  - ✓ Cổ đông nhỏ: 999 cổ đông sở hữu 17.455.200 cổ phần, chiếm 12,47% vốn điều lệ.
- Phân loại theo tổ chức/cá nhân
  - ✓ Cổ đông tổ chức: 06 cổ đông sở hữu 130.298.800 cổ phần, chiếm 93,07% vốn điều lệ.
  - ✓ Cổ đông cá nhân: 994 cổ đông sở hữu 9.201.200 cổ phần, chiếm 6,57% vốn điều lệ.
- Phân loại theo khu vực địa lý
  - ✓ Cổ đông trong nước: 1.000 cổ đông sở hữu 139.500.000 cổ phần, chiếm 99,64% vốn điều lệ.
  - ✓ Cổ đông nước ngoài: 0 cổ đông.
- Phân loại theo thành phần kinh tế
  - ✓ Cổ đông Nhà nước: 01 cổ đông sở hữu 122.044.800 cổ phần, chiếm 87,17% vốn điều lệ.
  - ✓ Cổ đông khác: 999 cổ đông sở hữu 17.455.200 cổ phần, chiếm 12,47% vốn điều lệ.

Thông tin tổng hợp về tình hình cổ đông đến hết ngày 31/12/2013

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Nhà nước</b>	<b>01</b>	<b>122.044.800</b>	<b>87,17 %</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông tổ chức</b>	<b>05</b>	<b>8.254.000</b>	<b>5,90 %</b>
1	Cty TNHH công nghệ Hoàng Anh		54.000	0,04 %
2	Cty CP Chứng khoán Kim Long		1.000.000	0,71 %
3	Cty CP Đầu tư và phát triển hạ tầng Hoàng Thành		2.800.000	2,00 %
4	Cty CP Kinh doanh vật tư THIBIDI		200.000	0,14 %
6	Công đoàn Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam		4.200.000	3,00 %
<b>III</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>994</b>	<b>9.201.200</b>	<b>6,57 %</b>
<b><u>IV</u></b>	<b><u>Cộng</u></b>	<b><u>1.000</u></b>	<b><u>139.500.000</u></b>	<b><u>99,64 %</u></b>
<b>V</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>		<b>500.000</b>	<b>0,36 %</b>
<b><u>VI</u></b>	<b><u>Tổng cộng</u></b>	<b><u>1.000</u></b>	<b><u>140.000.000</u></b>	<b><u>100 %</u></b>

### 3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2013, ngoài việc chuyển nhượng cổ phần nhỏ lẻ, giá trị thấp giữa các cổ đông cá nhân, GELEX không có sự tăng giảm vốn cũng như thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu nào đáng kể.

### 4. Mua cổ phiếu quỹ

Trong năm 2013, GELEX đã mua lại thành công 500.000 cổ phiếu của Tổng công ty làm cổ phiếu quỹ bằng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá giao dịch là 10.000 đồng/cổ phiếu.

**Phần C****BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

## I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

Năm 2013, thị trường diễn biến phức tạp, cạnh tranh khốc liệt, hoạt động sản xuất kinh doanh của GELEX gặp nhiều khó khăn, song dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự năng động, sáng tạo và nỗ lực không ngừng của Ban điều hành cùng với sự cố gắng của tập thể người lao động, lấy khách hàng làm trung tâm cho mọi chiến lược phát triển, tập trung tối đa mọi nguồn lực, GELEX đã đạt được các chỉ tiêu trọng yếu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã giao.

### 1. Công tác kinh doanh, thị trường, phát triển thương hiệu

Năm 2013 là năm đầy khó khăn với công tác kinh doanh của GELEX, tuy nhiên, năm 2013 cũng là năm đánh dấu sự nỗ lực vượt bậc của đội ngũ kinh doanh trong việc ổn định phân khúc thị trường đã có, mở rộng thị trường cho các sản phẩm mới gồm công tơ điện tử, hệ thống tủ điện phân phối và dòng sản phẩm TU, TI trung thế kiêu khô trong nhà.

Về công tác bán hàng, GELEX giữ vững mối quan hệ truyền thống với 05 Tổng công ty điện lực gồm Tổng công ty điện lực miền Bắc, miền Trung, miền Nam, Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Bộ phận kinh doanh thường xuyên liên lạc, đến tận nơi tìm hiểu các yêu cầu cụ thể, nghiên cứu điều kiện làm việc, khí hậu, môi trường của từng khách hàng để cung cấp những sản phẩm phù hợp nhất.

Hơn nữa, GELEX chủ động đa dạng hoá phương thức bán hàng, phối hợp với các đơn vị thành viên nhằm đẩy mạnh mạng lưới tiêu thụ sản phẩm, tổ chức đưa hàng đến vùng sâu vùng xa, kết hợp hài hòa giữa mục tiêu lợi nhuận và mục tiêu thị trường, trong đó tập trung nhiều cho khu vực miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.

Về công tác đấu thầu, trong năm 2013 GELEX đã tham gia đấu thầu 110 gói, trúng thầu 77 gói. Đây là tỷ lệ trúng thầu cao, khẳng định cố gắng lớn và hiệu quả của bộ phận kinh doanh.

Về công tác phát triển thương hiệu, GELEX tiếp tục giữ vững vị thế nhà sản xuất thiết bị điện hàng đầu Việt Nam. Sức mạnh của thương hiệu GELEX gắn liền với uy tín, chất lượng các sản phẩm dịch vụ. Năm 2013 GELEX đã tổ chức chuỗi các sự kiện quảng bá thương hiệu, tham gia các Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam, Hội chợ hàng công nghiệp, Điện - Điện tử, Cơ khí- Đo lường, Tự động hoá, Triển lãm VN EXPO, Hội thảo chuyên ngành, Hội chợ thương mại và các chương trình giao thương, xúc tiến thương mại quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Myanmar, Cuba, Lào... Hình ảnh thương hiệu GELEX đã xuất hiện trên kênh VTV1 - kênh tin tức quan trọng nhất của Đài truyền hình Việt Nam, trên trang web chính thức của Tổng công ty điện lực miền Nam và trên các

biên quảng cáo tầm lớn tại một số tuyến đường quan trọng. GELEX đang dần khẳng định được vị thế trên thị trường trong và ngoài nước.

Ngoài ra, GELEX còn tập trung phát triển thị trường ngoài ngành điện. Các sản phẩm thiết bị điện GELEX được đẩy mạnh vào các dự án ngành xây dựng, xây lắp công nghiệp, quốc phòng, dầu khí và xuất khẩu tại chỗ.

## **2. Công tác đầu tư**

### **2.1. Công tác đầu tư nâng cao năng lực sản xuất**

Với mục đích tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, Ban lãnh đạo GELEX đã nhìn nhận rõ cách thức căn bản nhất là cần phải đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ và tập trung phát triển sản phẩm mới. Trong năm 2013, GELEX đã đầu tư hơn 15,2 tỷ đồng cho:

- ✓ Hệ thống dây chuyền sản xuất và hiệu chỉnh công tơ điện tử trị giá 10,64 tỷ đồng.
- ✓ Hệ thống thiết bị sản xuất hộp composit công tơ điện trị giá 4,24 tỷ đồng.

Các hệ thống trên đã hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào sử dụng, phát huy tốt hiệu quả đầu tư.

### **2.2. Công tác đầu tư vốn tại các đơn vị thành viên**

Năm 2013 thực hiện chủ trương tập trung quản lý, nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên và phát triển các ngành hàng sản xuất công nghiệp chủ lực của Tổng công ty, GELEX đã thực hiện cơ cấu lại các khoản đầu tư tại các đơn vị thành viên. Cụ thể:

- ✓ Tiếp tục mua cổ phần của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) để duy trì nắm giữ 65% vốn điều lệ tại CADIVI.
- ✓ Nhận chuyển nhượng toàn bộ 65,02% vốn điều lệ của Công ty cổ phần chế tạo bơm Hải Dương từ Công ty cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội.

Đến thời điểm 31/12/2013, Tổng công ty đang đầu tư vốn tại 07 công ty con, 01 công ty liên doanh và 03 công ty liên kết. Tổng số vốn đầu tư là 762 tỷ đồng, tăng 13% so với 674 tỷ đồng năm 2012.

Kết thúc năm 2013, hầu hết các đơn vị thành viên của Tổng công ty đều hoạt động hiệu quả và có lãi, lợi nhuận và cổ tức đạt kế hoạch đã đề ra. Chỉ một đơn vị đang gặp nhiều khó khăn là Công ty cổ phần Chế tạo biến thế và vật liệu điện Hà Nội (CTBT). Sau khi kết thúc thanh tra thuế, kết quả sản xuất kinh doanh của công ty bị lỗ. Hiện nay, GELEX đã có phương án tái cơ cấu CTBT nhằm mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn đầu tư ban đầu.

### **2.3. Công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng**

Năm 2013, công tác đầu tư xây dựng đã có nhiều cải tiến, đặc biệt là trong điều hành, giám sát việc thực hiện các hạng mục công trình.

- ✓ Dự án toà nhà Văn phòng Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại 52 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội:
  - Tổng mức đầu tư: 443 tỷ đồng.
  - Thực hiện đầu tư đến hết 2013: 330 tỷ đồng.
  - Dự kiến đưa vào khai thác từ tháng 5/2014.
- ✓ Dự án Khách sạn, trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê tại 10 Trần Nguyên Hãn - Hoàn Kiếm - Hà Nội: Đã có thống nhất chủ trương của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Hiện nay GELEX đang nỗ lực hoàn thiện hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán.

### **3. Công tác tài chính và quản lý doanh nghiệp**

GELEX đã lập Báo cáo Tài chính năm và thuê đơn vị kiểm toán theo đúng qui định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013. Tình hình tài chính lành mạnh, có tiềm năng phát triển bền vững, lâu dài.

Năm 2013, mặc dù một phần vốn đáng kể được tập trung đầu tư nhằm duy trì việc nắm giữ cổ phần chi phối của GELEX tại một số đơn vị thành viên, GELEX vẫn đảm bảo được nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh với chi phí sử dụng vốn hợp lý bằng cách tăng cường các biện pháp quản lý công nợ, đẩy mạnh thu hồi nợ, tăng vòng quay vốn, sử dụng linh hoạt nguồn vốn chủ sở hữu đạt hiệu quả cao.

Việc quy định về thời hạn nộp Báo cáo tài chính gấp gấp hơn, việc tăng cường công tác giám sát trong việc công bố thông tin nhất là đối với công ty đại chúng nhóm lớn của Nhà nước cũng đòi hỏi công tác quản lý tài chính của GELEX phải thực hiện nhanh chóng, chính xác.



Công tác kiểm soát tiết kiệm chi phí được đặc biệt chú trọng. Vật tư trong sản xuất được quản lý chặt chẽ, định mức vật tư điều chỉnh kịp thời, tiết kiệm và hiệu quả.

#### **4. Công tác kỹ thuật, công nghệ, quản lý chất lượng, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới**

GELEX đặc biệt quan tâm đến công tác kỹ thuật công nghệ, quản lý chất lượng, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo hướng cải tiến sản phẩm, cải thiện tính năng, ổn định chất lượng, tăng thẩm mỹ đáp ứng được yêu cầu và thị hiếu của khách hàng.

Tiếp tục thực hiện xuyên suốt mục tiêu “Chất lượng sản phẩm tốt là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của Doanh nghiệp”. Hệ thống quản lý chất lượng tiếp tục được nâng cao, kiểm soát chặt chẽ theo các quy trình sản xuất cũng như tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 , kết hợp hệ thống quản lý theo ISO 9000 với các hệ thống quản lý khác như TQM , 5S ..vv...

Các dự án khoa học công nghệ theo chương trình KC05 cấp Nhà nước tiếp tục được triển khai, gồm:

- ✓ Dự án sản xuất thử nghiệm “Hoàn thiện công nghệ sản xuất máy biến dòng điện (TI), máy biến điện áp (TU) đo lường trung thế kiểu khô điện áp tới 38,5 kV” vốn Ngân sách 6,51 tỷ đồng.
- ✓ Dự án sản xuất thử nghiệm “Hoàn thiện công nghệ sản xuất thử nghiệm công tơ điện tử đa chức năng (công tơ điện tử thông minh) 1 pha và 3 pha” vốn Ngân sách 4,55 tỷ đồng.

Trong đó, dự án TU và TI ngoài việc hoàn thành nghiên cứu, ứng dụng sản xuất công nghiệp các loại TU, TI trung thế kiểu khô ngoài trời điện áp đến 38,5 kV như nội dung dự án đã được Bộ Khoa học Công nghệ giao, GELEX còn mở rộng nghiên cứu thiết kế, đầu tư khuôn mẫu để sản xuất các loại TU, TI trung thế kiểu khô trong nhà, đủ điều kiện thay thế các sản phẩm cùng loại đang nhập khẩu.

Dự án Công tơ điện tử thông minh đa chức năng 1 pha và 3 pha, ngoài việc hoàn thành các nội dung nhiệm vụ của Dự án, GELEX còn chủ động nghiên cứu phát triển tính năng truyền dẫn số liệu GPRS, khả năng kết nối với hệ thống thông tin quản lý khách hàng CMIS của Tập đoàn điện lực Việt Nam để quản trị lưới điện, mở rộng khả năng thâm nhập thị trường của các dòng sản phẩm công tơ điện tử GELEX.

Năm 2013 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã được Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Công thương giao chủ trì dự án khoa học công nghệ “Nghiên cứu, thiết kế, hoàn thiện dây chuyên công nghệ chế tạo máy bơm đặc thù và máy bơm công suất lớn phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu”. Đơn vị trực tiếp thực hiện là Công ty cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương. Tổng vốn thực hiện dự án là 93 tỷ đồng, trong đó Nhà nước hỗ trợ 39,5 tỷ đồng. Thời gian thực hiện

2013 - 2016.

## **5. Công tác Tổ chức nhân sự-Đào tạo, Lao động-Tiền lương**

GELEX luôn chú trọng công tác tổ chức, bổ nhiệm cán bộ, thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đào tạo, điều phối lao động đáp ứng kịp thời nhu cầu lao động của các đơn vị trong công ty.

Trong năm 2013, GELEX tiếp tục hoàn thiện Quy chế trả lương theo vị trí công việc và năng lực đóng góp của từng cá nhân nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tinh thần tự chủ sáng tạo, nâng cao hiệu quả công việc, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với GELEX, thu hút nhân tài.

GELEX hiện có 532 cán bộ công nhân viên với thu nhập bình quân năm 2013 là 8,64 triệu đồng/người/tháng. GELEX luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như trang bị BHLĐ, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định và thực hiện mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Thực hiện việc thanh toán tiền lương hàng tháng đầy đủ, đúng hạn.

Ngoài ra, GELEX còn thực hiện thường xuyên và đầy đủ công tác đào tạo bồi dưỡng, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên các phòng ban chức năng; đào tạo lại, đào tạo nâng cao, tổ chức ôn thi và thi nâng bậc cho công nhân trực tiếp sản xuất.

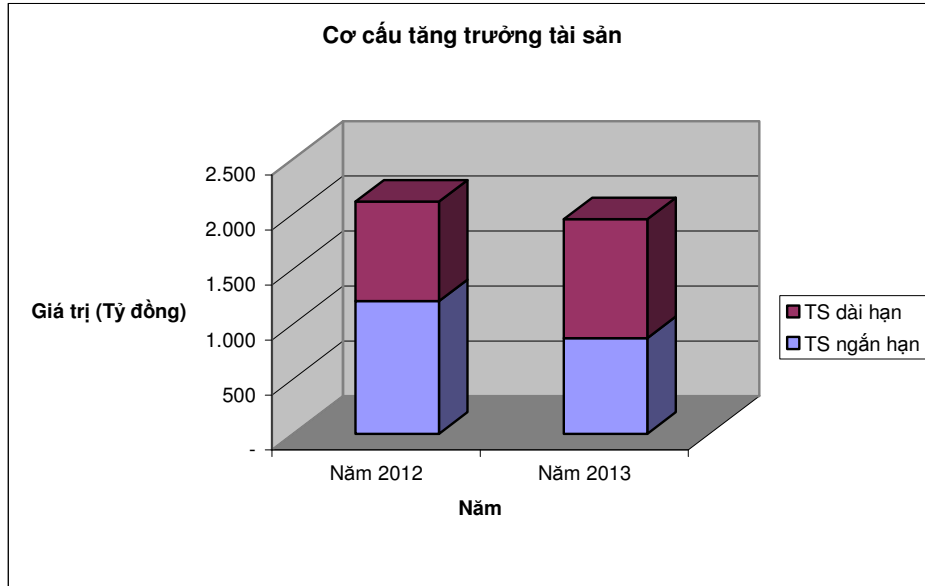
## **6. Công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ**

Năm 2013, GELEX thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật an toàn lao động. Trang bị đầy đủ quần áo và các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân viên theo đúng qui định. Thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ, an ninh quốc phòng, phối hợp với công an PCCC Khu công nghiệp tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy đạt kết quả tốt.

Năm 2013 GELEX đã đầu tư một hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường theo qui định Nhà nước.

# **II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

## **1. Phân tích tình hình tài sản**



Tổng giá trị tài sản GELEX năm 2013 giảm 7,53% so với năm 2012 (từ 2.110.592.044.668 đồng còn 1.951.734.150.711 đồng) chủ yếu do giảm tài sản ngắn hạn, cụ thể là giảm các khoản tiền gửi ngắn hạn không quá 3 tháng. Cơ cấu tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn trong tổng tài sản cũng thay đổi, trong đó, GELEX có xu hướng chuyển dịch cơ cấu từ tài sản ngắn hạn sang dài hạn.

GELEX không có tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD.

Năm 2013, GELEX tiếp tục thực hiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do đến hạn nhưng khách hàng chưa thanh toán theo nội dung Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 07/12/2009. Tuy nhiên các khoản nợ trên chủ yếu từ các công ty thành viên trong Tập đoàn Điện lực EVN nên không phải là các khoản nợ xấu, không thể đòi được.

**2. Tình hình nợ phải trả**

Tổng nợ phải trả của GELEX tại ngày 31/12/2013 là 327.758.084.801 đồng, trong đó Nợ ngắn hạn chiếm 88,1%. Trong năm 2013, GELEX đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với Nhà nước đối với 02 khoản nợ lớn, bao gồm các khoản phải trả sau khi hoàn thành quá trình cổ phần hoá 113.550.911.413 đồng và khoản tiền cổ tức 13 tháng năm 2011 134.249.280.000 đồng.

Năm 2013, GELEX không có nợ phải trả xấu. Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái 371.596.055 đồng và lãi vay 3.636.217.090 đồng là con số nhỏ so với doanh thu nên không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

### III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Để nâng cao hiệu quả trong sản xuất cũng như điều hành, trong năm 2013, GELEX tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý linh hoạt nhưng chặt chẽ trong mọi mặt hoạt động, lấy tiết kiệm chi phí, hiệu quả, làm mục tiêu hàng đầu, lấy con người làm nhân tố trung tâm, xây dựng mối quan hệ gắn bó trong tập thể, phân quyền về các đơn vị, tạo được bầu không khí làm việc tự chủ, môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động để cán bộ công nhân viên yên tâm lao động sản xuất, gắn bó hăng say và muốn cống hiến hết mình cho công ty.

GELEX tiếp tục sửa đổi và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ đã ban hành những năm trước đây như Quy chế trả lương, quy chế quản lý tài chính, quy định về công tác phí, quy chế quản lý vật tư, phế liệu v.v...

### IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Một số chỉ tiêu kế hoạch thực hiện năm 2014 tại GELEX như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2013
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.230
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	222
3	Thu nhập bình quân của người lao động	TrĐ/ng/tháng	8,8

Tổng công ty đã xây dựng kế hoạch 05 năm với mục tiêu đến năm 2015 đạt tổng doanh thu 10.000 tỷ đồng. Để thực hiện thắng lợi kế hoạch trên và cho năm 2014, GELEX tập trung vào các giải pháp cơ bản sau:

- Thực hiện Đề án tái cấu trúc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã trình Bộ Công Thương tháng 8/2013, GELEX sẽ rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động và đầu tư vốn để xây dựng phương án tái cấu trúc, tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên trong Tổng công ty; kiện toàn tổ chức và bộ máy quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của toàn Tổng công ty trong tương lai.
- Tăng cường năng lực quản lý theo hướng chuyên nghiệp. Rà soát điều chỉnh định mức vật tư, định mức lao động, cải tiến kỹ thuật, kiểm soát tốt và tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ.

- Bám sát tình hình thị trường và các đối thủ cạnh tranh. Giữ vững thị trường đã có. Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường mới. Thực hiện quảng bá sản phẩm cả trong và ngoài nước, xây dựng thương hiệu GELEX với thông điệp “Sức mạnh đến từ uy tín” trở thành thương hiệu quốc tế.
- Duy trì và phát triển thị phần trong nước đối với các sản phẩm truyền thống. Tiếp tục đầu tư chiều sâu, nghiên cứu chế tạo các sản phẩm mới, giá trị gia tăng cao; chú trọng các sản phẩm công nghệ hiện đại như công tơ điện tử thông minh đa chức năng, các thiết bị điện cao thế từ 110 kV trở lên. Tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ các quy định của Nhà nước.
- Bám sát quy hoạch phát triển của ngành điện để xác định đúng phương hướng phát triển, đa dạng hóa sản phẩm thiết bị điện, ưu tiên đầu tư trọng điểm cho các loại sản phẩm có tiềm năng tiêu thụ tốt.
- Tiếp tục rà soát sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và lực lượng lao động theo hướng gọn nhẹ, nâng cao tính tự chủ và hiệu quả; thực hiện đào tạo nâng cao trình độ người lao động phù hợp với thiết bị công nghệ mới nhằm tăng hiệu quả SXKD và thu nhập cho người lao động.
- Tăng cường mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau, ưu tiên hợp đồng, đơn hàng cho các đơn vị thành viên nhằm tạo công ăn việc làm, tăng doanh thu và lợi nhuận toàn Tổng công ty.
- Tăng cường hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết với các đối tác trong nước và ngoài nước nhằm đa dạng hóa sản phẩm, ngành nghề kinh doanh.

Với truyền thống đoàn kết gắn bó, ý thức trách nhiệm cao và sự tận tâm trong công việc, chúng ta tin tưởng Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam GELEX cùng các đơn vị thành viên sẽ hoàn thành thắng lợi và toàn diện các nhiệm vụ của năm 2014.

# **Phần D**

## **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA GELEX**

## I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA GELEX

Năm 2013, trong hoàn cảnh thị trường tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty bị thu hẹp, tất cả các sản phẩm và dịch vụ của Tổng công ty đều chịu sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường về chất lượng, giá bán, về hàng nhập lậu nhưng Hội đồng quản trị đã lãnh đạo toàn Tổng công ty vượt qua mọi khó khăn thử thách để hoàn thành vượt mức kế hoạch năm với tổng doanh thu tăng 16,86%, tổng lợi nhuận trước thuế của toàn Tổng công ty tăng 6,94% so với năm 2012.

## II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc: tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, công tác điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty, đảm bảo phù hợp với các qui định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

Kết quả giám sát cho thấy Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Tổng công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, vì sự ổn định và phát triển bền vững của Tổng công ty.

## III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Năm 2014 được dự báo là tình hình kinh tế trong và ngoài nước vẫn còn rất nhiều khó khăn. Để đạt được Tổng doanh thu khoảng 9.690 tỷ đồng; chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 375 tỷ đồng, toàn Tổng công ty sẽ phải rất nỗ lực phấn đấu và phải có những giải pháp thực hiện rất cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng đơn vị.

Tuy nhiên, với vai trò đại diện chủ sở hữu vốn, Hội đồng quản trị Tổng công ty cũng đề xuất một số giải pháp chung như sau:

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư;

- Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất kinh doanh;
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm. Khai thác tối đa năng lực sản xuất và nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu;
- củng cố và phát triển hệ thống đại lý phân phối nhằm mở rộng và tăng thị phần cho các sản phẩm truyền thống;
- Chỉ đạo, phối kết hợp các đơn vị trong Tổng công ty để hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động SXKD;
- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác dự báo, phân tích tình hình thị trường, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng và phát triển đội ngũ CNVC trên cơ sở giữ gìn những giá trị cốt lõi, thúc đẩy sự tiến bộ. Tuyển chọn, đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, đội ngũ kỹ sư và chuyên viên kinh tế có năng lực chuyên môn cao, giỏi ngoại ngữ, đội ngũ quản lý trung cao cấp có bản lĩnh, hiểu biết pháp luật, đoàn kết.
- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các dự án đầu tư.
- Xem xét, sắp xếp cơ cấu vốn đầu tư ra bên ngoài nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị sẽ cùng các đơn vị xây dựng định hướng chiến lược phát triển, cụ thể hóa một số nhiệm vụ, giải pháp hành động phù hợp với đặc điểm tình hình, tính chất đặc thù của từng đơn vị.

Để đạt được mục tiêu, kế hoạch năm 2014, Hội đồng quản trị Tổng công ty mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, chia sẻ và hợp tác của các cổ đông nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.



# **Phần E**

## **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

## I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị GELEX gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên điều hành, 02 thành viên không điều hành và 01 thành viên độc lập.



(Từ trái qua phải: Ông Trần Ngọc Minh, ông Nguyễn Trọng Tiểu, ông Nguyễn Hoa Cương, bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, ông Đỗ Văn Chính)

#### 1.1. Ông Nguyễn Hoa Cương - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- ✓ Sinh năm: 1961
- ✓ Kinh nghiệm: Quản trị kinh doanh
- ✓ Các vị trí từng giữ:
  - Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH SAS-CTAMAD.
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội.
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khí cụ điện I.
  - Ủy viên HĐQT Công ty CP Kinh doanh vật tư THIBIDI.
  - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam.

- ✓ Gia nhập Tổng công ty: từ tháng 01 năm 1985 (Công ty Chế tạo Điện cơ).
- ✓ Số cổ phần đại diện Nhà nước: 71.644.800 cổ phần (chiếm 51,17% vốn điều lệ)
- ✓ Là thành viên không điều hành.

### **1.2. Ông Nguyễn Trọng Tiểu - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc**

- ✓ Sinh năm: 1959
- ✓ Kinh nghiệm: Quản lý doanh nghiệp
- ✓ Các vị trí từng giữ:
  - Giám đốc Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội.
  - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam.
  - Tổng giám đốc Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam.
- ✓ Gia nhập Tổng công ty: từ tháng 01 năm 1983 (Công ty Chế tạo Điện cơ).
- ✓ Số cổ phần đại diện Nhà nước: 22.400.000 cổ phần (chiếm 16% vốn điều lệ).

### **1.3. Ông Trần Ngọc Minh - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc**

- ✓ Sinh năm: 1953
- ✓ Kinh nghiệm: Quản lý doanh nghiệp
- ✓ Các vị trí từng giữ:
  - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc kinh doanh Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam.
  - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam.
- ✓ Gia nhập Tổng công ty: từ tháng 12 năm 1979 (Công ty Thiết bị đo điện).
- ✓ Số cổ phần đại diện Nhà nước: 14.000.000 cổ phần (chiếm 10% vốn điều lệ).

### **1.4. Ông Đỗ Văn Chính - Ủy viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn**

- ✓ Sinh năm: 1961
- ✓ Kinh nghiệm: Quản lý doanh nghiệp
- ✓ Các vị trí từng giữ:
  - Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary tại TP.Đà Nẵng.

- Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary.
  - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary.
  - Ủy viên HĐQT kiêm Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam.
- ✓ Gia nhập Tổng công ty: từ năm 1984 (Công ty Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary).
  - ✓ Số cổ phần đại diện Nhà nước: 14.000.000 cổ phần (chiếm 10% vốn điều lệ).
  - ✓ Số cổ phần đại diện tổ chức Công đoàn Tổng công ty: 4.200.000 cổ phần (chiếm 3% vốn điều lệ).
  - ✓ Là thành viên không điều hành.

### **1.5. Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Ủy viên HĐQT**

- ✓ Sinh năm: 1957
- ✓ Kinh nghiệm: Quản lý doanh nghiệp
- ✓ Các vị trí từng giữ:
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Đầu tư và phát triển Hạ tầng Hoàng Thành.
- ✓ Gia nhập Tổng công ty: từ tháng 11 năm 2010.
- ✓ Số cổ phần đại diện tổ chức: 2.800.000 cổ phần (chiếm 2% vốn điều lệ).
- ✓ Số cổ phần sở hữu: 1.400.000 cổ phần (chiếm 1% vốn điều lệ).
- ✓ Là thành viên độc lập

## **2. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Năm 2013, các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty đã phát huy sở trường và thế mạnh của mình để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Hội đồng quản trị duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo các Quy chế đã ban hành, đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tiến hành 10 phiên họp, ban hành 10 Nghị quyết, 23 Quyết định theo đúng thẩm quyền được qui định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty. Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị tập trung vào việc hoàn thiện các Quy chế hoạt động của Tổng công ty; công tác tổ chức cán bộ và triển khai thực hiện các hạng mục của Dự án xây dựng Trụ sở Tổng công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội. Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp.

Tổng thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty trong năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên là 500 triệu đồng.

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã rất linh hoạt, sáng tạo trong công tác điều hành với những giải pháp cụ thể như:

- Thường xuyên cập nhật thông tin để kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh;
- Kiên trì bám sát mục tiêu doanh thu, mục tiêu lợi nhuận để có những biện pháp chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt, đảm bảo phải hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra từ đầu năm.
- Thực hiện vai trò đầu mối để tập trung sức mạnh của các đơn vị; chỉ đạo các đơn vị hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động SXKD;
- Đẩy mạnh công tác thị trường, phát triển thương hiệu thông qua việc tạo dựng được các thương hiệu mạnh có uy tín tại Việt Nam và khu vực Châu Á, Thái Bình dương như: EMIC, CADIVI, THIBIDI, HEM, VIHEM, VINAKIP cho các sản phẩm của Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên;
- Tập trung chỉ đạo hoàn thiện công tác quản lý, điều hành các dự án đầu tư đảm bảo thực hiện đúng các quy định về quản lý đầu tư của nhà nước, đảm bảo đúng tiến độ, đạt mục tiêu, đưa công trình vào khai thác phục vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban.

## **II. BAN KIỂM SOÁT**

### **1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được bầu tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất gồm 03 thành viên:

- Bà Trương Thị Hương Lan

- Bà Nguyễn Thị Thanh Yến

- Ông Phạm Ngọc Thắng

Ngày 26/4/2013, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, Đại hội đã bầu ông Bạch Thành Nam là thành viên Ban kiểm soát thay thế ông Phạm Ngọc Thắng có Đơn xin miễn nhiệm vì lý do cá nhân. Do đó Ban kiểm soát Tổng công ty có 03 thành viên sau, đều làm việc kiêm nhiệm:

### **1.1. Bà Nguyễn Thị Thanh Yến - Trưởng ban**

- ✓ Sinh năm: 1976
- ✓ Công việc hiện nay: Phó phòng kế toán - Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
- ✓ Số cổ phần sở hữu: 2.700 cổ phần.

### **1.2. Bà Trương Thị Hương Lan - Thành viên**

- ✓ Sinh năm: 1968
- ✓ Công việc hiện nay: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tổng công ty
- ✓ Số cổ phần sở hữu: 19.900 cổ phần.

### **1.3. Ông Bạch Thành Nam - Thành viên**

- ✓ Sinh năm: 1973
- ✓ Công việc hiện nay: Phó phòng Kinh doanh - Cơ quan Tổng công ty
- ✓ Số cổ phần sở hữu: 71.600 cổ phần.

## **2. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tiến hành các phiên họp định kỳ để thực thi nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, đã chủ động kiểm tra giám sát việc tuân thủ các qui định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm những nội dung cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Tổng công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Tổng công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và năm. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty.

### III. THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 500.000.000 đồng.

Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành: 1.100.000.000 đồng.

Lương Chủ tịch Hội đồng quản trị năm 2013: 960.000.000 đồng.

Lương Tổng giám đốc năm 2013: 720.000.000 đồng.

### IV. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	
1	Trần Ngọc Minh	Cổ đông nội bộ	461.600	0,33%	461.600	0,33%	Cơ cấu đầu tư
2	Phạm Tuấn Anh	Cổ đông nội bộ	32.200	0,02%	45.100	0,03%	Cơ cấu đầu tư
3	Nguyễn Thị Thanh Yên	Cổ đông nội bộ	2.200	0,002%	2.700	0,002%	Cơ cấu đầu tư

# **Phần F**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



## I. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 3824 1990
- Fax: (84.4) 3825 3973
- Website: <http://www.aasc.com.vn>

## II. Ý KIẾN KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Xem *Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013* đính kèm.

Trân trọng báo cáo.

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2014



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-36

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 29/01/2013
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu ngày 29/01/2013
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban	
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên	
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2013
Ông Phạm Ngọc Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/04/2013

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Tổng Công ty.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 10 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác (Công ty TNHH Kiểm toán ASC). Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 03 năm 2013.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

---

**Lê Đức Minh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1628-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2014*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>869.253.233.347</b>	<b>1.206.560.033.686</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	146.112.536.235	361.672.624.621
111	1. Tiền		76.112.536.235	51.672.624.621
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.000.000.000	310.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	346.241.942.442	463.537.632.300
121	1. Đầu tư ngắn hạn		362.851.498.242	478.588.306.200
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(16.609.555.800)	(15.050.673.900)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		271.829.144.113	308.770.375.394
131	1. Phải thu của khách hàng		236.747.660.459	212.069.049.673
132	2. Trả trước cho người bán		39.997.133.468	40.329.120.128
135	5. Các khoản phải thu khác	5	6.508.308.116	61.536.799.058
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.423.957.930)	(5.164.593.465)
140	IV. Hàng tồn kho	6	93.739.670.508	65.930.074.111
141	1. Hàng tồn kho		93.739.670.508	65.930.074.111
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.329.940.049	6.649.327.260
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.876.860	391.869.832
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		8.808.884.938	3.510.540.922
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	671.808.427	599.159.852
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.846.369.824	2.147.756.654
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.082.480.917.364</b>	<b>904.032.010.982</b>
220	II. Tài sản cố định		323.803.294.394	220.808.127.425
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	153.521.427.391	164.229.815.180
222	- Nguyên giá		322.903.409.547	311.533.266.041
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(169.381.982.156)	(147.303.450.861)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	33.333.328	53.333.332
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.666.672)	(6.666.668)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	170.248.533.675	56.524.978.913
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	737.413.177.059	655.975.947.655
251	1. Đầu tư vào công ty con		646.117.034.099	564.679.804.695
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		91.296.142.960	91.296.142.960
260	V. Tài sản dài hạn khác		21.264.445.911	27.247.935.902
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	21.198.397.911	27.181.887.902
268	3. Tài sản dài hạn khác		66.048.000	66.048.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.951.734.150.711</b>	<b>2.110.592.044.668</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>327.758.084.801</b>	<b>522.856.251.057</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		288.658.996.598	485.422.377.776
312	2. Phải trả người bán		212.876.218.434	77.263.021.367
313	3. Người mua trả tiền trước		2.612.200.340	7.700.818.642
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	12.097.843.548	12.621.735.897
315	5. Phải trả người lao động		21.333.947.765	22.032.601.593
316	6. Chi phí phải trả	15	334.000.000	70.076.222.317
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	25.805.746.376	282.815.632.813
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13.599.040.135	12.912.345.147
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>39.099.088.203</b>	<b>37.433.873.281</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		1.585.633.992	1.335.633.992
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		32.014.454.211	30.098.239.289
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		5.499.000.000	6.000.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.623.976.065.910</b>	<b>1.587.735.793.611</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>1.622.503.471.970</b>	<b>1.581.785.793.611</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.000.000.000	2.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		223.528.471.970	179.785.793.611
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>1.472.593.940</b>	<b>5.950.000.000</b>
432	1. Nguồn kinh phí	18	1.472.593.940	5.950.000.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.951.734.150.711</b>	<b>2.110.592.044.668</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		38.740,46	17.543,54
- Đồng Yên nhật (JPY)		33.000,00	33.000,00

**Đoàn Thị Lan Phương**  
Người lập

**Phạm Tuấn Anh**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Trọng Tiểu**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013		Năm 2012	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.194.600.995.419	1.231.506.876.123		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	4.254.864.127	751.543.882		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.190.346.131.292	1.230.755.332.241		
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.025.565.311.630	1.041.141.412.313		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		164.780.819.662	189.613.919.928		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	173.588.543.336	133.590.966.311		
22	7. Chi phí tài chính	24	5.865.103.184	7.860.920.506		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.636.217.090	39.394.054		
24	8. Chi phí bán hàng	25	26.975.626.448	19.631.575.936		
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	50.665.844.850	79.863.357.991		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		254.862.788.516	215.849.031.806		
31	11. Thu nhập khác		44.654.148	368.440.057		
32	12. Chi phí khác		684.118.739	10.608		
40	13. Lợi nhuận khác		(639.464.591)	368.429.449		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		254.223.323.925	216.217.461.255		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	33.585.645.566	37.179.426.027		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>220.637.678.359</u>	<u>179.038.035.228</u>		

*(Signature)*

*T. Anh*



Đoàn Thị Lan Phương  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.180.856.127.529	1.370.843.280.338
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(981.411.559.152)	(896.286.199.275)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(54.462.509.886)	(52.509.176.924)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.636.217.090)	(39.394.054)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(34.109.537.915)	(36.201.100.316)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		42.204.763.085	245.789.305.500
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(203.232.296.363)	(324.389.988.020)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(53.791.229.792)</i>	<i>307.206.727.249</i>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(126.439.650.378)	(72.522.948.410)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(117.385.120.000)	(298.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		266.952.200.000	8.450.200.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(70.061.229.404)	(8.101.553.600)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		176.222.192.247	136.104.741.288
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>129.288.392.465</i>	<i>(232.069.560.722)</i>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(5.025.000.000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		258.794.023.157	19.697.026.875
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(258.794.023.157)	(19.697.026.875)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(286.031.320.000)	(35.939.740.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(291.056.320.000)</i>	<i>(35.939.740.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(215.559.157.327)</i>	<i>39.197.426.527</i>

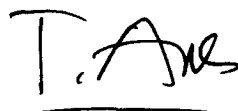
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		361.672.624.621	322.474.500.200
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(931.059)	697.894
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>146.112.536.235</u>	<u>361.672.624.621</u>

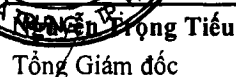






Đoàn Thị Lan Phương  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

  
Trần Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2013*

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.400.000.000.000 đồng; tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty như sau:

Nơi thành lập và  
hoạt động

Hoạt động kinh doanh  
chính

Khách sạn Bình Minh - Hà Nội

Thành phố Hà Nội

Kinh doanh khách sạn

Thông tin về các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

#### **1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng, phần mềm kế toán	03 - 05	năm

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn tối đa 3 năm tài chính.



**2.9 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Tổng Công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**2.10 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.13 . Các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

**2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

**2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.16 . Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.18 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

105  
TY  
HƯNH  
TOA  
HA

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	1.453.058.964	879.210.234
Tiền gửi ngân hàng	74.659.477.271	50.793.414.387
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	310.000.000.000
	<b>146.112.536.235</b>	<b>361.672.624.621</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	24.230.756.200	24.230.756.200
Đầu tư ngắn hạn khác	338.620.742.042	454.357.550.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(16.609.555.800)	(15.050.673.900)
	<b>346.241.942.442</b>	<b>463.537.632.300</b>

**Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2013		01/01/2013	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u> VND
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		<b>24.230.756.200</b>		<b>24.230.756.200</b>
Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội	1.732.091	24.230.756.200	1.732.091	24.230.756.200
<b>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng</b>		<b>160.000.272.042</b>		<b>230.000.000.000</b>
<b>Cho vay ngắn hạn</b>		<b>178.620.470.000</b>		<b>224.357.550.000</b>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam		95.000.000.000		95.000.000.000
Công ty CP Thiết bị điện		-		45.880.000.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội		-		31.072.200.000
Công ty CP Khí cụ điện I		7.735.350.000		5.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bom Hải Dương		10.000.000.000		10.000.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI		15.000.000.000		15.000.000.000
Công ty CP Cơ điện Hà Nội		-		1.500.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari		12.385.120.000		10.000.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội		4.500.000.000		4.500.000.000
Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội		1.000.000.000		5.670.000.000
Công ty CP Đầu tư Lạc Hồng		33.000.000.000		-
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>(16.609.555.800)</b>		<b>(15.050.673.900)</b>
Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội		(16.609.555.800)		(15.050.673.900)
		<b>346.241.942.442</b>		<b>463.537.632.300</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	135.299.438	29.515.091
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.329.786.500	2.329.786.500
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	3.478.077.800	4.246.099.500
Phải thu về đóng góp xây dựng hạ tầng KCN Hoàn Sơn, Bắc Ninh	-	3.000.000.000
Phải thu về cổ phần hóa	-	35.208.570.992
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho cổ đông	-	16.206.840.000
Phải thu khác	565.144.378	515.986.975
	<b><u>6.508.308.116</u></b>	<b><u>61.536.799.058</u></b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.478.661.754	25.082.897.785
Công cụ, dụng cụ	1.058.820.368	222.222.569
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.568.373.585	9.362.566.630
Thành phẩm	59.633.814.801	31.262.387.127
	<b><u>93.739.670.508</u></b>	<b><u>65.930.074.111</u></b>

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	-
Thuế Thu nhập cá nhân	381.591.477	318.575.852
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	280.584.000	280.584.000
	<b><u>671.808.427</u></b>	<b><u>599.159.852</u></b>

**8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.807.815.544	2.109.202.374
Tài sản thiếu chờ xử lý	16.084.280	16.084.280
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	22.470.000	22.470.000
	<b><u>1.846.369.824</u></b>	<b><u>2.147.756.654</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Tại ngày 01/01/2013	192.257.368.789	105.875.954.490	10.412.405.634	2.987.537.128	-	311.533.266.041						
Mua sắm	-	15.135.574.720	-	78.834.545	-	15.214.409.265						
Giảm khác	(1.821.767.778)	(711.785.098)	(42.547.619)	(1.268.165.264)	-	(3.844.265.759)						
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>190.435.601.011</b>	<b>120.299.744.112</b>	<b>10.369.858.015</b>	<b>1.798.206.409</b>	<b>-</b>	<b>322.903.409.547</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Tại ngày 01/01/2013	83.354.933.181	56.523.621.984	5.578.784.864	1.846.110.832	-	147.303.450.861						
Trích khấu hao	12.246.449.276	11.348.918.234	1.481.877.669	410.835.298	-	25.488.080.477						
Giảm khác	(1.782.109.680)	(635.258.607)	(15.495.060)	(976.685.835)	-	(3.409.549.182)						
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>93.819.272.777</b>	<b>67.237.281.611</b>	<b>7.045.167.473</b>	<b>1.280.260.295</b>	<b>-</b>	<b>169.381.982.156</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày 01/01/2013	108.902.435.608	49.352.332.506	4.833.620.770	1.141.426.296	-	164.229.815.180						
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>96.616.328.234</b>	<b>53.062.462.501</b>	<b>3.324.690.542</b>	<b>517.946.114</b>	<b>-</b>	<b>153.521.427.391</b>						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 65.907.976.677 đồng.
- Giảm khác là các tài sản không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2013	60.000.000	60.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2013	6.666.668	6.666.668
Trích khấu hao	20.000.004	20.000.004
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>26.666.672</b>	<b>26.666.672</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2013	53.333.332	53.333.332
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>33.333.328</b>	<b>33.333.328</b>

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>170.216.086.250</b>	<b>56.524.978.913</b>
Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	546.451.273	546.451.273
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành (*)	169.669.634.977	55.978.527.640
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>10.394.413</b>	-
Máy quần dây	10.394.413	-
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>22.053.012</b>	-
Công công ty	22.053.012	-
	<b>170.248.533.675</b>	<b>56.524.978.913</b>

(\*) Dự án xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với tổng mức đầu tư 443,9 tỷ đồng, thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty, thời gian thực hiện từ quý 2 năm 2009 và dự kiến hoàn thành vào quý 2 năm 2014.

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>646.117.034.099</b>	<b>564.679.804.695</b>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	220.957.490.174	168.419.045.174
Công ty CP Thiết bị điện	92.462.038.822	92.462.038.822
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	264.414.733.181	262.849.233.181
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	5.332.103.750	5.332.103.750
Công ty CP Khí cụ điện 1	30.128.906.768	30.128.906.768
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	5.488.477.000	5.488.477.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	27.333.284.404	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>91.296.142.960</b>	<b>91.296.142.960</b>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	16.777.167.627
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.233.587.356	5.233.587.356
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	69.285.387.977
	<b>737.413.177.059</b>	<b>655.975.947.655</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%	Sản xuất kinh doanh dây cáp điện, khí cụ điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	81,34%	81,34%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí cụ điện 1	Thành phố Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Thủ đô Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương (*)	Tỉnh Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

(\*) Trong năm, Tổng Công ty thực hiện mua 1.793.758 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương căn cứ theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 05 năm 2013 của Hội đồng quản trị, do đó Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương trở thành công ty con của Tổng Công ty với tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 65,02%.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Thành phố Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Thành phố Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

**Đầu tư vào công ty liên doanh**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	11.088.358.801	2.398.716.577
Chi phí thuê đất	7.983.015.636	8.179.950.600
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.396.379.108	3.734.349.845
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	616.609.922	943.608.718
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	10.828.384.276
Chi phí trả trước khác	114.034.444	1.096.877.886
	<b><u>21.198.397.911</u></b>	<b><u>27.181.887.902</u></b>

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.097.843.548	12.621.735.897
	<b><u>12.097.843.548</u></b>	<b><u>12.621.735.897</u></b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	4.850.000.000
Trích trước chi phí mua hàng chưa có hóa đơn	-	64.806.222.317
Trích trước phí kiểm toán	230.000.000	270.000.000
Chi phí phải trả khác	104.000.000	150.000.000
	<b><u>334.000.000</u></b>	<b><u>70.076.222.317</u></b>

**16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.771.192.748	2.659.855.977
Phải trả về cổ phần hoá	-	113.550.911.413
Phải trả cổ tức cho cổ đông	28.940.000	134.267.100.000
Đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của CBCNV	1.133.046.560	1.133.046.560
Phải trả, phải nộp khác	872.567.068	11.204.718.863
	<b><u>25.805.746.376</u></b>	<b><u>282.815.632.813</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
<b>Năm 2012</b>							
Tại ngày 01/01/2012	1.400.000.000.000	-	-	(47.327.444)	-	162.547.758.383	1.562.500.430.939
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	179.038.035.228	179.038.035.228
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.000.000.000	(161.800.000.000)	(159.800.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	47.327.444	-	-	47.327.444
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>179.785.793.611</b>	<b>1.581.785.793.611</b>
<b>Năm 2013</b>							
Tại ngày 01/01/2013	1.400.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000	179.785.793.611	1.581.785.793.611
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	220.637.678.359	220.637.678.359
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.000.000.000	(176.895.000.000)	(174.895.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(5.025.000.000)	-	-	-	-	(5.025.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>223.528.471.970</b>	<b>1.622.503.471.970</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 45/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm trước như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	179.038.035.228
Trích Quỹ dự phòng tài chính	1,12%	2.000.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,35%	6.000.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (0,5% lợi nhuận sau thuế)	0,50%	895.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	93,83%	168.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,20%	2.143.035.228

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2013 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2013 VND
Vốn góp của Nhà nước	87,17%	1.220.448.000.000	87,17%	1.220.448.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	12,83%	179.552.000.000	12,83%	179.552.000.000
	<b>100%</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.400.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	168.000.000.000	154.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	168.000.000.000	154.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	139.500.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	139.500.000	140.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ Tổng Công ty**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ dự phòng tài chính	4.000.000.000	2.000.000.000
	<b>4.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

**18 . NGUỒN KINH PHÍ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	5.950.000.000	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	5.950.000.000
Chi sự nghiệp	(4.477.406.060)	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<b>1.472.593.940</b>	<b>5.950.000.000</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	531.016.164.066	606.430.185.758
Doanh thu bán hàng hóa	631.023.687.812	595.554.404.740
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.561.143.541	29.522.285.625
	<b><u>1.194.600.995.419</u></b>	<b><u>1.231.506.876.123</u></b>

**20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	4.254.864.127	751.543.882
	<b><u>4.254.864.127</u></b>	<b><u>751.543.882</u></b>

**21 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	526.899.462.666	606.103.043.876
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	631.010.687.812	595.544.404.740
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	32.435.980.814	29.107.883.625
	<b><u>1.190.346.131.292</u></b>	<b><u>1.230.755.332.241</u></b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	389.090.437.048	440.532.628.841
Giá vốn của hàng hóa đã bán	622.234.812.096	585.734.001.728
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.240.062.486	14.874.781.744
	<b><u>1.025.565.311.630</u></b>	<b><u>1.041.141.412.313</u></b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	52.461.217.996	65.758.851.929
Cổ tức, lợi nhuận được chia	121.120.766.760	67.814.245.100
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.614.832	17.869.282
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.943.748	-
	<b><u>173.588.543.336</u></b>	<b><u>133.590.966.311</u></b>

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.636.217.090	39.394.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	371.596.055	546.744.252
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.874.807	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.558.881.900	7.274.782.200
Chi phí tài chính khác	295.533.332	-
	<b>5.865.103.184</b>	<b>7.860.920.506</b>

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	11.324.122.105	10.166.092.539
Chi phí nhân công	470.718.236	645.439.310
Chi phí bảo hành	2.988.331.255	(4.862.201.526)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.297.553.835	9.786.431.599
Chi phí khác bằng tiền	1.894.901.017	3.895.814.014
	<b>26.975.626.448</b>	<b>19.631.575.936</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	6.143.350.851	779.182.104
Chi phí nhân công	16.302.141.805	20.278.925.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.377.757.013	23.606.990.813
Thuế, phí, lệ phí	4.421.822.201	12.718.040.601
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	6.259.364.465	(9.032.290.306)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	993.057.056	18.518.436.627
Chi phí khác bằng tiền	14.168.351.459	12.994.072.395
	<b>50.665.844.850</b>	<b>79.863.357.991</b>

10011  
CỘNG HÒA  
RACH NH  
HANG K  
A  
HOAN

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	254.223.323.925	216.217.461.255
Các khoản điều chỉnh tăng	1.240.025.100	613.095.476
- Chi phí không hợp lệ	1.240.025.100	613.095.476
Các khoản điều chỉnh giảm	(121.120.766.760)	(68.112.852.623)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(121.120.766.760)	(67.814.245.100)
- Lợi nhuận tương ứng doanh thu chưa thực hiện đã tính thuế	-	(298.607.523)
Tổng thu nhập tính thuế	134.342.582.265	148.717.704.108
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	33.585.645.566	37.179.426.027
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>33.585.645.566</b>	<b>37.179.426.027</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	12.621.735.897	11.643.410.186
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(34.109.537.915)	(36.201.100.316)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>12.097.843.548</b>	<b>12.621.735.897</b>

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	390.842.535.860	336.408.967.971
Chi phí nhân công	33.054.256.714	39.446.321.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.644.931.504	33.581.156.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.965.415.199	86.508.328.799
Chi phí khác bằng tiền	25.464.831.555	58.957.569.003
	<b>480.971.970.832</b>	<b>554.902.344.512</b>

**29 . THÔNG TIN KHÁC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 của Tổng Công ty tăng so với năm 2012 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2013 tăng so với năm 2012 (trong đó chủ yếu là cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con, liên kết, liên doanh);
- Tổng Công ty đã tiết kiệm được chi phí hoạt động kinh doanh dẫn đến chi phí quản lý năm 2013 giảm so với năm 2012.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.112.536.235	-	361.672.624.621	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	243.255.968.575	(11.423.957.930)	273.605.848.731	(5.164.593.465)
Đầu tư ngắn hạn	362.851.498.242	(16.609.555.800)	478.588.306.200	(15.050.673.900)
	<b><u>752.220.003.052</u></b>	<b><u>(28.033.513.730)</u></b>	<b><u>1.113.866.779.552</u></b>	<b><u>(20.215.267.365)</u></b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			240.267.598.802	361.414.288.172
Chi phí phải trả			334.000.000	70.076.222.317
			<b><u>240.601.598.802</u></b>	<b><u>431.490.510.489</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.112.536.235	-	-	146.112.536.235
Phải thu khách hàng, phải thu khác	231.832.010.645	-	-	231.832.010.645
Đầu tư ngắn hạn	346.241.942.442	-	-	346.241.942.442
	<u>724.186.489.322</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>724.186.489.322</u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	361.672.624.621	-	-	361.672.624.621
Phải thu khách hàng, phải thu khác	268.441.255.266	-	-	268.441.255.266
Đầu tư ngắn hạn	463.537.632.300	-	-	463.537.632.300
	<u>1.093.651.512.187</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.093.651.512.187</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	238.681.964.810	1.585.633.992	-	240.267.598.802
Chi phí phải trả	334.000.000	-	-	334.000.000
	<b>239.015.964.810</b>	<b>1.585.633.992</b>	<b>-</b>	<b>240.601.598.802</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	360.078.654.180	1.335.633.992	-	361.414.288.172
Chi phí phải trả	70.076.222.317	-	-	70.076.222.317
	<b>430.154.876.497</b>	<b>1.335.633.992</b>	<b>-</b>	<b>431.490.510.489</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản	Kinh doanh	Cung cấp dịch vụ	Tổng cộng các bộ	Tổng cộng toàn
	xuất	thương mại	VND	phần	doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.899.462.666	631.010.687.812	32.435.980.814	1.190.346.131.292	1.190.346.131.292
Chi phí bộ phận trực tiếp	389.090.437.048	622.234.812.096	14.240.062.486	1.025.565.311.630	1.025.565.311.630
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>137.809.025.618</b>	<b>8.775.875.716</b>	<b>18.195.918.328</b>	<b>164.780.819.662</b>	<b>164.780.819.662</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	493.693.537.440	479.172.843.489	52.496.499.847	1.025.362.880.776	1.025.362.880.776
Tài sản không phân bổ	-	-	-	926.371.269.935	926.371.269.935
<b>Tổng tài sản</b>	<b>493.693.537.440</b>	<b>479.172.843.489</b>	<b>52.496.499.847</b>	<b>1.951.734.150.711</b>	<b>1.951.734.150.711</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	135.613.416.720	162.409.570.372	10.637.057.574	308.660.044.666	308.660.044.666
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	19.098.040.135	19.098.040.135
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>135.613.416.720</b>	<b>162.409.570.372</b>	<b>10.637.057.574</b>	<b>327.758.084.801</b>	<b>327.758.084.801</b>

**Theo khu vực địa lý**

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	602.855.524.918	567.300.383.353
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	13.321.057.550	-
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	7.976.097.440	26.889.753.049
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	70.104.049.074	41.202.518.240
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	-	1.929.884.000
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam - Cambodia	Công ty con	11.674.452.326	9.185.159.839
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	30.998.023.200	31.621.616.230
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.084.318.500	1.253.956.000
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	456.436.326	454.472.689
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	11.084.881.760	9.069.013.293
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	16.311.122.853	24.136.295.517
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	55.807.662.394	34.670.163.430
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	227.351.470	32.245.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	6.247.720.765	-
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	689.495.349.870	539.690.834.311
<b>Lãi cho vay vốn</b>			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	7.243.750.000	5.264.583.333
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	3.090.895.556	4.470.300.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.631.728.250	3.498.539.167
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	521.487.105	1.033.121.234
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	770.833.000	600.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	-	1.012.500.000
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	(*)	47.625.000	222.750.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	818.152.800	912.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	343.125.000	375.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	46.492.983.000	23.141.018.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	15.638.528.000	1.536.000.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	33.893.860.000	31.286.640.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	-	765.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	3.470.080.000	-
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.385.120.000	2.981.400.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	450.000.000	360.000.000
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	6.965.299.760	7.570.978.000

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

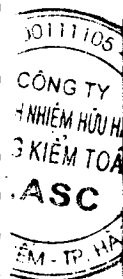
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	75.870.960.286	97.886.755.456
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	3.733.134.702	1.847.961.830
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	824.230.751	6.836.905.956
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	12.691.702.748	7.009.900.491
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	255.872.683	576.869.700
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam - Cambodia	Công ty con	20.345.878.080	9.252.089.754
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	3.640.328.074	4.490.531.994
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.172.101.950	1.179.351.600
<b>Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	11.335.063.865	4.076.279.601
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	-	41.222.194
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	5.457.237	5.457.237
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	166.115.015.159	55.683.243.158
<b>Phải thu vốn cho vay</b>			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	95.000.000.000	95.000.000.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	-	45.880.000.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	31.072.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	7.735.350.000	5.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	(*)	-	1.500.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	12.385.120.000	10.000.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
<b>Phải thu lãi cho vay vốn</b>			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	1.662.500.000	1.200.000.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	-	1.032.300.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	175.000.000	669.124.500
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	-	337.500.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	-	75.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	262.500.000	337.500.000
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	(*)	-	1.500.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	405.652.800	225.000.000
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	35.208.570.992
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	5.964.840	-

(\*) Đây là các công ty con mà Tổng Công ty sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.066.000.000	4.066.000.000



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASC kiểm toán.



Đoàn Thị Lan Phương  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

